

Vai trò của các thành phần kinh tế sau hơn 30 năm đổi mới

PHẠM ĐỨC MINH*

Phát triển nền kinh tế nhiều thành phần là chủ trương, chính sách nhất quán và lâu dài đã được Văn kiện Đại hội Đảng lần thứ VI (1986) nêu ra. Cho đến nay đã trải qua 32 năm Đổi mới, thực tiễn đã chứng minh rằng, đây là một chủ trương hoàn toàn phù hợp với yêu cầu khách quan, là quyết sách chiến lược đúng đắn, sáng tạo, góp phần vào “những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử”.

NHỮNG BƯỚC CHUYỂN TRONG TƯ DUY KINH TẾ CỦA ĐẢNG

Bắt đầu từ Đại hội VI (tháng 12/1986), nền kinh tế nhiều thành phần đã được thừa nhận chính thức trong văn kiện Đảng. Đại hội VI khẳng định “Cần sửa đổi, bổ sung và công bố rộng rãi chính sách nhất quán đối với các thành phần kinh tế... Xóa bỏ những thành kiến thiên lệch...”. Ở Văn kiện Đại hội VI, trong khi khẳng định cần phải: “Củng cố thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa bao gồm cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể một cách toàn diện”, thì Đảng ta cũng đã nhận ra sự cần thiết: “Bằng những biện pháp thích hợp, sử dụng mọi khả năng của các thành phần kinh tế khác trong sự liên kết chặt chẽ và dưới sự chỉ đạo của thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa”. Như vậy, các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa (XHCN) được thừa nhận sự tồn tại và hoạt động dưới sự chỉ đạo, dẫn dắt của thành phần kinh tế XHCN. Tuy nhiên lúc này, kinh tế tư nhân nói riêng, các thành phần kinh tế phi XHCN nói chung vẫn được coi là đối tượng phải “cải tạo”, bằng những hình thức và bước đi thích hợp, tránh chủ quan nóng vội.

Nghị quyết số 16-NQ/TW, ngày 15/07/1988, của Bộ Chính trị khóa VI và Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa VI tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới, nhất quán thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần, khẳng định kinh tế tư nhân được phát triển trong những ngành có lợi cho quốc kế dân sinh. Nghị quyết số 10-NQ/TW, ngày 05/04/1988, của Bộ Chính trị khóa VI, xác định hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ. Từ đó, đổi mới cơ bản cách thức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, tạo động lực cho kinh tế tư nhân trong nông nghiệp hồi phục và phát triển năng động, bước đầu chuyển sang sản xuất hàng hóa. Đó là bước khởi đầu quan trọng đối với kinh tế tư nhân nước ta, mở đường cho những bước đột phá mạnh hơn sau này.

Tiếp tục tư tưởng của Đại hội VI, Đại hội VII (tháng 06/1991) đưa ra quan điểm rõ ràng hơn về việc khuyến khích và tạo điều kiện cho kinh tế tư nhân phát triển. Văn kiện Đại hội VII khẳng định: “Kinh tế tư nhân được phát triển, đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất, theo sự quản lý, hướng dẫn của Nhà nước” và “Mọi người được tự do kinh doanh theo pháp luật, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp”. Đại hội VII cũng khẳng định: “Kinh tế tư bản tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm”. Như vậy, từ chỗ coi kinh tế tư bản tư nhân là một thành phần kinh tế “tàn dư” của chế độ xã hội cũ, có thể sử dụng, nhưng cần “cải tạo” bằng những bước đi thích hợp, Đại hội VII đã thực sự coi kinh tế tư nhân là một thành phần kinh tế độc lập, có tiềm năng phát triển và đóng góp cho sự phát triển kinh tế đất nước nói chung. Chính vì thế, Hội nghị Trung ương 2 khóa VII đã nêu chủ trương: “Bổ sung và sửa đổi thể chế nhằm bảo đảm cho tập thể, cá thể và tư nhân được phát triển không hạn chế về quy mô và địa bàn hoạt động trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm; được tự lựa chọn hình thức kinh doanh, kể cả liên doanh với nước ngoài theo những điều kiện do luật định”.

Từ đánh giá “Chính sách kinh tế nhiều thành phần đã góp phần to lớn giải phóng và phát triển sức sản xuất, đưa đến những thành tựu kinh tế - xã hội

* TS., Trưởng Chính trị tỉnh Hải Dương | Email: dm.kinhte@gmail.com

quan trọng qua 10 năm đổi mới”, Đại hội VIII (tháng 06/1996) tiếp tục khẳng định: “Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách này, khuyến khích mọi doanh nghiệp (DN), cá nhân trong và ngoài nước khai thác các tiềm năng, ra sức đầu tư phát triển, yên tâm làm ăn lâu dài, hợp pháp, có lợi cho quốc kế dân sinh, đối xử bình đẳng với mọi thành phần kinh tế trước pháp luật, không phân biệt sở hữu và hình thức tổ chức kinh doanh”. Văn kiện Đại hội VIII khẳng định, việc đối xử bình đẳng với mọi thành phần kinh tế, đồng thời cần tạo điều kiện kinh tế và pháp lý thuận lợi để các nhà kinh doanh tư nhân yên tâm đầu tư làm ăn lâu dài.

Bước phát triển mới trong quan điểm của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân thể hiện trong Văn kiện Đại hội IX (tháng 01/2001), khi Đảng ta khẳng định kinh tế tư bản tư nhân là thành phần kinh tế có vị trí quan trọng lâu dài trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN: “Kinh tế tư bản tư nhân được khuyến khích phát triển không hạn chế về quy mô trong những ngành, nghề, lĩnh vực và địa bàn mà pháp luật không cấm”.

Cụ thể hóa quan điểm của Đại hội IX, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX (năm 2002) thông qua Nghị quyết “Về tiếp tục đổi mới cơ chế, chính sách, khuyến khích, tạo điều kiện phát triển kinh tế tư nhân”. Đây là lần đầu tiên kể từ khi đổi mới, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương có một nghị quyết chuyên đề về kinh tế tư nhân. Nghị quyết tiếp tục khẳng định: Kinh tế tư nhân là bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Phát triển kinh tế tư nhân là vấn đề chiến lược lâu dài trong phát triển nền kinh tế nhiều thành phần định hướng XHCN.

Đại hội X (tháng 04/2006) của Đảng tiếp tục xác định vị trí và định hướng phát triển các thành phần kinh tế chủ yếu. Trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là lực lượng vật chất quan trọng để Nhà nước định hướng và điều tiết nền kinh tế đất nước, tạo môi trường và điều kiện thúc đẩy các thành phần kinh tế cùng phát triển. Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng, là một trong những động lực của nền kinh tế. Lần đầu tiên, vấn đề đảng viên làm kinh tế tư nhân được Đảng ta chính thức nêu ra và có quy định cụ thể. Hội nghị Trung ương 3 khóa X (24-29/07/2006) đã thảo luận và thông qua “Quy định đảng viên làm kinh tế tư nhân”.

Đại hội XI (tháng 01/2011) của Đảng tiếp tục xác định phải hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh mẽ kinh tế tư nhân trở thành một trong những động lực của nền kinh tế. Có thể thấy, quan niệm coi kinh tế tư nhân là “một trong những động lực của nền kinh tế” trong hai kỳ Đại hội X và XI phản ánh bước tiến mới trong tư duy của Đảng về vị trí, vai trò của kinh tế tư nhân trong nền kinh tế nước ta.

Điểm mới đáng quan tâm ở Đại hội XII (tháng 01/2016) so với các kỳ đại hội trước là sự khẳng định mạnh mẽ, dứt khoát hơn của Đảng khi coi kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Đại hội XII của Đảng khẳng định: “Nền kinh tế thị trường định hướng XHCN Việt Nam có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế; các chủ thể thuộc các thành phần kinh tế bình đẳng, hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật”. Khác với một số đại hội trước đây, trong văn kiện Đại hội XII của Đảng không nêu cụ thể từng thành phần kinh tế, mà khẳng định nền kinh tế nước ta có nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế. Đây là cách thể hiện phù hợp với sự vận động linh hoạt của nền kinh tế.

Về phương hướng đối với các thành phần kinh tế, Đại hội XII nêu rõ: Khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh. Có chính sách thúc đẩy phát triển các DN Việt Nam cả về số lượng và chất lượng, thật sự trở thành lực lượng nòng cốt, đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lần đầu tiên, Đảng đặt vấn đề khuyến khích đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp kinh doanh, đó là kết quả của quá trình tổng kết thực tiễn trong nước và nghiên cứu kinh nghiệm của các nước phát triển trên thế giới.

NHỮNG KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC

Trước Đổi mới, nền kinh tế tăng trưởng thấp và thực chất không có phát triển. Từ năm 1986, Việt Nam bắt đầu tiến hành công cuộc “Đổi mới”, kinh tế Việt Nam đã có những bước phát triển mạnh mẽ, biến Việt Nam từ một nước nghèo, kém phát triển, với thu nhập bình quân đầu người khoảng 100 USD trở thành một nước thu nhập trung bình thấp, thì đến năm 2015, quy mô nền kinh tế đạt khoảng 204 tỷ USD, thu nhập bình quân đầu người đạt 2.228 USD.

Về tăng trưởng kinh tế, trong suốt hơn 30 năm qua, kinh tế Việt Nam đã đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn thời kỳ trước Đổi mới. Giai đoạn đầu Đổi mới (1986-1990), với mức tăng trưởng GDP bình quân hàng năm chỉ đạt 4,4%, tiếp đến nền kinh tế Việt Nam đã trải qua gần 20 năm với mức tăng trưởng rất ấn tượng: giai đoạn 1991-1995, GDP bình quân tăng 8,2%/năm, gấp đôi so với 5 năm trước đó; giai đoạn 5 năm tiếp theo 1996-2000, mặc dù cùng chịu tác động của khủng hoảng tài chính khu vực (1997-1999), GDP vẫn duy trì bình quân tăng 7,6%/năm; giai đoạn 2001-2005, GDP tăng bình quân 7,34%; giai đoạn 2006-2010, do suy giảm kinh

BẢNG: CƠ CẤU DN THEO QUY MÔ LAO ĐỘNG (%)

	Tổng số	Số lượng DN		Số lượng lao động	
		DN lớn	DNVVN	DN lớn	DNVVN
Tổng số	100,0	1,9	98,1	55,5	44,5
DN nhà nước	100,0	41,5	58,5	89,7	10,3
DN ngoài nhà nước	100,0	1,2	98,8	35,6	64,4
DN FDI	100,0	18,8	81,2	86,1	13,9

Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2018

tế thế giới, Việt Nam vẫn đạt tốc độ tăng trưởng GDP bình quân 6,32%/năm. Trong các năm tiếp theo, do chịu tác động từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu năm 2008 và khủng hoảng nợ công năm 2010 tại một số nước, tốc độ tăng trưởng GDP giai đoạn 2011-2016 của Việt Nam tuy đã chậm lại, nhưng vẫn đạt 5,9%/năm (năm 2017 tăng trưởng 6,81%), là mức cao của khu vực và thế giới.

Lực lượng sản xuất có nhiều tiến bộ cả về số lượng và chất lượng. Chất lượng tăng trưởng có mặt được cải thiện, trình độ công nghệ sản xuất có bước được nâng lên. Đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (Total Factor Productivity - TFP) vào tăng trưởng nếu ở giai đoạn 2001-2005 chỉ đạt 21,4%, giai đoạn 2006-2010 đạt 17,2%, thì trong giai đoạn 2011-2015 đã đạt 28,94%. Năm 2017, đóng góp của TFP trong tăng trưởng GDP ước đạt 44,13%, cao hơn so với năm 2016 (40,68%) và cao hơn nhiều so với bình quân giai đoạn 2011-2015 (33,58%). Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2018).

Hiện nay, nền kinh tế hình thành nhiều thành phần kinh tế với các hình thức tổ chức kinh doanh và chứng kiến vai trò tích cực của các chủ thể kinh tế hoạt động, tự do kinh doanh và cạnh tranh theo quy định của pháp luật:

(i) Kinh tế nhà nước dần phát huy tốt hơn vai trò chủ đạo, hệ thống DN nhà nước từng bước được cơ cấu lại, cổ phần hóa theo Luật Doanh nghiệp và đang giảm mạnh về số lượng. Theo Tổng cục Thống kê (2018), thực hiện chủ trương cổ phần hóa và đổi mới, sắp xếp lại của Nhà nước, nên khu vực DN nhà nước tiếp tục xu hướng giảm dần quy mô và tỷ lệ đóng góp ở tất cả các chỉ tiêu trong giai đoạn 2011-2016. Cụ thể tỷ lệ số DN nhà nước giảm từ 1,01% năm 2011 xuống còn 0,53% năm 2016; số lao động giảm từ 14,7% xuống 9,2%; nguồn vốn từ 32,7% xuống 28,4%; doanh thu thuần từ 26,5% xuống 16,7%; lợi nhuận trước thuế từ 43,3% xuống 27,7%; thuế và đóng góp cho ngân sách nhà nước từ 35,0% xuống 32,2%.

(ii) Kinh tế tập thể bước đầu được đổi mới, các hình thức hợp tác kiểu mới được hình thành phù hợp hơn với cơ chế thị trường. Kết quả Tổng điều tra kinh tế năm 2017 của Tổng cục Thống kê cho thấy, tính đến thời điểm 01/01/2017, cả nước có 13,56 nghìn hợp tác xã (HTX), giảm 0,1%, trong đó số lượng HTX hoạt động trong khu vực công nghiệp và xây dựng giảm mạnh nhất tới 20,1% (665 HTX), ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 79 HTX (1,1%). Tuy nhiên, số HTX hoạt động trong khu vực dịch vụ lại tăng mạnh với 726 HTX (22,2%) so với thời điểm 01/01/2012.

Lao động trong các HTX hiện có 205,1 nghìn người, giảm 15,6% (tương đương 37,8 nghìn người) so với thời điểm 01/01/2012. Trong đó, lao động ở các HTX hoạt động trong khu vực công nghiệp và xây dựng giảm nhiều nhất với 20,7 nghìn người (30,4%), khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản giảm 13,9 nghìn người (13,5%) và khu vực dịch vụ giảm 3,3 nghìn người (4,5%) mặc dù số lượng HTX của khu vực dịch vụ tăng mạnh nhất.

(iii) Kinh tế tư nhân tăng nhanh về số lượng, từng bước nâng cao hiệu quả kinh doanh, giải quyết việc làm, đóng góp ngày càng lớn vào GDP. Kết quả Tổng điều tra Kinh tế năm 2017 mới được Tổng cục Thống kê công bố cho thấy, số DN có đến thời điểm 01/01/2017 là 517,9 nghìn DN. Trong đó, tổng số DN thực tế đang hoạt động điều tra được là 505,1 nghìn DN và 12,86 nghìn DN đã đăng ký, nhưng đang đầu tư, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Trong số DN, có 10,1 nghìn DN lớn, tăng 29,6% (tăng gần 2,3 nghìn DN) so với thời điểm 01/01/2012 và chiếm tỷ lệ khiêm tốn với 1,9%; số DN nhỏ, vừa và siêu nhỏ là 507,86 nghìn DN, tăng 52,1% (tương đương 174 nghìn DN) so với thời điểm 01/01/2012, chiếm 98,1% (Bảng). Trong đó: DN vừa có gần 8,5 nghìn DN, tăng 23,6% (tương đương gần 1,6 nghìn DN), chiếm 1,6%; DN nhỏ là 114,1 nghìn DN, chiếm 22,0%, tăng 21,2% (tương đương gần 20 nghìn DN) và DN siêu nhỏ là 385,3 nghìn DN, chiếm cao nhất với 74,4%, tăng 65,5% (tương đương 152 nghìn DN). Khối DN thu hút hơn 14 triệu lao động, tăng 28,2% (tương đương 3,1 triệu người) so với năm 2012.

Cơ sở sản xuất, kinh doanh cá thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có 5,1 triệu cơ sở, với 8,7 triệu lao động, tăng 11,2% về số lượng cơ sở và 9,5% về số lao động so với năm 2012. Bình quân hàng năm tăng tương ứng 2,1% và 1,8%, thấp hơn so với giai đoạn 2007-2012 (4,3% và 3,8%) (Tổng cục Thống kê, 2018).

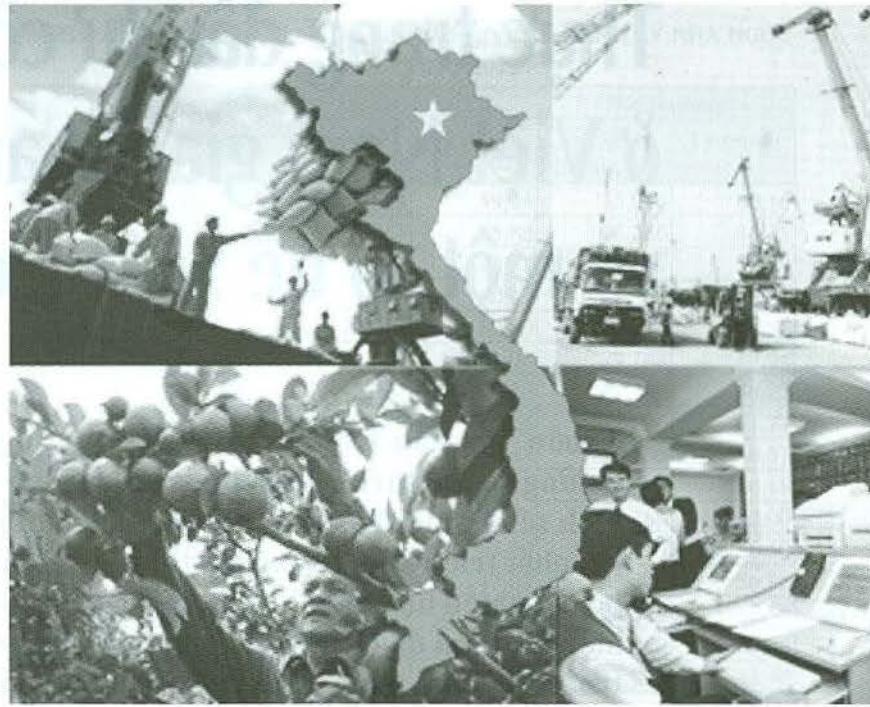
(iv) Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài được khuyến khích phát triển, các DN có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) có những đóng góp quan trọng vào việc thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm và xuất khẩu. Tỷ lệ đóng góp đối với các chỉ tiêu cơ bản trong toàn bộ khu vực DN tăng dần trong giai đoạn 2011-2016, đặc biệt khu vực DN FDI năm 2016 chiếm tỷ lệ chi phối về lợi

nhuận trước thuế trong toàn bộ kết quả sản xuất, kinh doanh của khu vực DN, thể hiện xu hướng kinh doanh hiệu quả của khu vực này trong giai đoạn 2011-2016. Cụ thể, theo Tổng cục Thống kê, tỷ lệ đóng góp đối với các chỉ tiêu cơ bản của khu vực DN FDI năm 2011 và 2016, như sau: Số DN giữ ổn định với 2,8% năm 2011 và 2016; số lao động 23,6% và 29,7%; nguồn vốn 16,1% và 18,1%; doanh thu thuần 19,7% và 27,4%; lợi nhuận trước thuế 31,5% tăng lên 45,9%; thuế và đóng góp cho ngân sách nhà nước 32,2% và 29,1%.

KẾT LUẬN

Như vậy, ở các giai đoạn khác nhau, thì nhận thức về phát triển các thành phần kinh tế cũng có sự thay đổi, đó là quá trình khách quan phù hợp với quy luật nhận thức. Để có sự chuyển biến nhận thức từ giai đoạn phân chia các thành phần kinh tế thành hai loại: kinh tế XHCN và phi XHCN (trước Đổi mới), đến thừa nhận nền kinh tế nhiều thành phần (trong Đổi mới) và thừa nhận tất cả các thành phần kinh tế đều là những bộ phận cấu thành của nền kinh tế thị trường định hướng XHCN là một quá trình lâu dài, phải trải qua hơn 30 năm Đổi mới. Điều quan trọng nhất là đã khẳng định vai trò của các thành phần kinh tế qua mức độ đóng góp đối với tăng trưởng và hiệu quả kinh tế mang lại cho nền kinh tế quốc dân.

Tuy nhiên, cần nhấn mạnh rằng, việc xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo và kinh tế tư nhân là động lực quan



trọng trong nền kinh tế hoàn toàn theo tinh thần của Đại hội XII không hàm ý có sự phân biệt đối xử, mà với ý nghĩa là tùy thuộc vào chức năng của mỗi thành phần kinh tế để xác định vai trò của chúng. Kinh tế nhà nước với các nguồn lực, công cụ, chính sách của mình chủ đạo trong việc định hướng và điều tiết nền kinh tế, đảm bảo các cân đối lớn cho nền kinh tế, kiểm soát các nguồn tài nguyên chiến lược, phát triển kết cấu hạ tầng và dịch vụ công có vốn đầu tư lớn, luân chuyển chậm, lợi nhuận không cao, rất cần thiết cho nền kinh tế - xã hội những khu vực tư nhân không sẵn sàng đảm nhận; các lĩnh vực quốc phòng - an ninh, một số hoạt động đầu tư mạo hiểm... Đảng ta tiếp tục xác định kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo với nội hàm mới, phù hợp với Cương lĩnh Xây dựng đất nước (sửa đổi, bổ sung năm 2011) và Hiến pháp năm 2013 là hoàn toàn hợp lý và cần thiết. □

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (2016). *Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế*
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2018). *Báo cáo số 5982/BC-BKHĐT, ngày 29/08/2018 về Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018, dự kiến kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019*
3. Tổng cục Thống kê (2018). *Báo cáo tóm tắt Kết quả chính thức Tổng Điều tra Kinh tế năm 2017*
4. Đảng Cộng sản Việt Nam (2010). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc thời kỳ Đổi mới (khóa VI, VII, VIII, IX, X), Phần I, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật*
5. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XI, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật*
6. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII, Nxb Chính trị Quốc gia - Sự thật*
7. Nguyễn Bá Khoáng (2005). *60 năm phát triển kinh tế - xã hội từ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, truy cập từ <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=2998>